TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2025/DS-PT
Ngày: 27- 6 - 2025.
V/v: "*Yêu cầu tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế vô hiệu*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuấn;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh, bà Nguyễn Thị My My;

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình – Thư ký Tòa án;

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 166/2025/TLPT-DS, ngày 25/3/2025 về việc *"Yêu cầu tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế vô hiệu"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DSST, ngày 17/01/2025 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 236/2025/QĐ-PT, ngày 20/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 243/2025/QĐ-PT, ngày 11/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H B Ktla, sinh năm 1954; địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Công H; địa chỉ: Số 17 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn:

+ Bà H N Ktla, bà H N1 Ktla; cùng địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã E, huyện C; địa chỉ: Xã E, huyện C. Đại diện vắng mặt.

+ Bà H L Ktla. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Công H; địa chỉ: Số 17 L, phường T, thành phố B, Đắk Lắk; có mặt.

+ Bà H Đ Ktla, bà H J Ktla;

Cùng địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Đều vắng mặt.

+ Ông Y L Ênuôl; địa chỉ: Buôn Y, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Bùi Xuân P, bà Vũ Thị Thanh H1.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị Thanh H1: Ông Bùi Xuân P.

Cùng địa chỉ: Số 105 tỉnh lộ 8, thôn 1, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Ông P có mặt

+ Công ty cổ phần C

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang Ninh – Chức vụ: Tổng giám đốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Hiền – chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh nông trường Cr. Vắng mặt.

Địa chỉ: Km 20, tỉnh lộ 8, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Khoảng năm 1983, bà H B Ktla và em gái bà H N Ktla có khai hoang thửa đất tại khu vực buôn T, xã E, huyện C. Năm 1983, bà H N Ktla lấy chồng là ông Y D Êban. Sau đó ông Y D ở chung nhà với chị em bà H B và sinh được 4 người con là H L Ktla, H Đ Ktla, H J Ktla, H N1 Ktla. Từ năm 1983 đến nay cả nhà gia đình đều sử dụng diện tích đất này để sinh sống.

Ngày 23/01/1999, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy CNQSDĐ số M67249 tại thửa đất số 84, tờ bản đồ 18, diện tích 14.450m^2 tại xã E, huyện C cho hộ Y D Êban trong đó có bà H B là thành viên hộ gia đình.

Năm 2015, bà H B và vợ chồng cháu H J tách hộ nhưng vẫn ở cùng địa chỉ. Do tuổi cao và bệnh tật nên mấy năm trở lại bà H B không thể lao động nên các công việc canh tác đều giao cho các cháu bà em gái sử dụng, thu hoa lợi nuôi bà H B. Gần đây bà H B phát hiện có tranh chấp thửa đất số 84 vời vợ chồng ông P, bà Hải. Khi tìm hiểu thì bà H B được biết Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cháu H N1 và vợ chồng ông P. Lúc này bà H B mới biết sau khi ông Y D chết năm 2006 thì bà H N và các con đã làm thủ tục để bà H N đứng tên, tiếp đó để thuận lợi trong việc thuận lợi trong việc vay ngân hàng nên bà H N đã tặng cho quyền sử dụng đất cho cháu H N1. Bà H N1 đã chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông P (hợp đồng này đã bị hủy).

Thửa đất số 84 là do hai anh chị em bà H B, H N khai hoang và cùng sử dụng để sinh sống, khi được cấp Giấy CNQSDĐ thì bà H B cũng là thành viên hộ Y D, khi thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế của ông Y D để đứng tên bà H N phải được sự đồng ý của bà H B. Tuy nhiên, tại văn bản thỏa thuận ngày 09/7/2010 lại không có sự tham gia của bà H B và cháu H L2 là không đúng.

Nay bà H B yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Tuyên một phần văn bản thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế ngày

09/7/2010 do Ủy ban nhân dân xã E chứng thực số 185, đối với thửa đất 84, tờ bản đồ 18 diện tích 14.540m^2 tại xã E, xã C theo Giấy CNQSDĐ số M672149 là vô hiệu.

- Tuyên một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19/12/2014 từ bà H N và bà H N1 do Ủy ban nhân dân xã E chứng thực số 396, thửa đất 84, tờ bản đồ số 18, diện tích 14.540m^2 vô hiệu.

- Tuyên văn bản thỏa thuận đứng tên là tài sản chung trong Giấy CNQSDĐ ngày 10/5/2018 do Ủy ban nhân dân xã E chứng thực số 45, thửa đất số 84, tờ bản đồ 18, diện tích 14.540m^2 vô hiệu.

2. Bị đơn bà H N Ktla trình bày:

Năm 1983, gia đình tôi có khai hoang thửa đất tại Buôn T, xã E, nay là thửa 84, tờ bản đồ 18. Sau đó tôi lấy chồng là ông Y D Êban. Gia đình tôi, bố mẹ tôi và chị gái cùng sống một nhà và sử dụng thửa đất trên.

Năm 1999, gia đình tôi được Ủy ban nhân dân huyện C cấp bìa đỏ. Năm 2006, chồng tôi chết nên tôi làm thủ tục đứng tên để đi vay Ngân hàng, năm 2014 gia đình tôi nợ xấu nên đã sang tên cho con gái là H N1 Ktla để vay ngân hàng. Sau này khi vợ chồng H N1 Ktla ly hôn đã sang tên lại cho một mình bà H N1 Ktla, khi bà H N1 bị ông P lừa đảo thì tôi khởi kiện và Tòa án đã tuyên vô hiệu đối với việc chuyển nhượng cho ông P.

Toàn bộ thửa đất số 84 gia đình tôi sử dụng từ trước đến nay, việc sang tên chỉ là hình thức để vay Ngân hàng, nay bà H B khởi kiện như trên thì tôi đồng ý.

3. Bị đơn bà H N1 Ktla trình bày:

Thửa đất 84, tờ bản đồ 18, có diện tích 14.540m² có nguồn gốc của gia đình bố mẹ, bác H B khai hoang từ năm 1983 đến năm 1999 thì được Ủy ban nhân dân huyện C cấp bìa. Cả gia đình tôi cùng sử dụng thửa đất này từ khi khai hoang, năm 2006 bố tôi mất nên năm 2010 chúng tôi làm thủ tục để bà H N Ktla đứng tên vay Ngân hàng. Đến năm 2014, bà H N Ktla bị nợ xấu nên sang tên vợ chồng tôi đứng ra vay Ngân hàng, năm 2018 vợ chồng tôi ly hôn nên đã sang tên lại cho tôi đứng tên. Sau này ông P lừa tôi sang tên thửa đất này, việc sang tên cho ông P đã được Tòa án tuyên là vô hiệu.

Toàn bộ thửa đất số 84 gia đình tôi sử dụng từ trước đến nay, việc sang tên chỉ là hình thức để vay Ngân hàng, nay bà H B khởi kiện như trên thì tôi đồng ý.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H J Ktla, bà H Đ Ktla trình bày:

Thửa đất 84, tờ bản đồ 18, có diện tích 14.540m² có nguồn gốc của gia đình bố mẹ, bác H B khai hoang từ năm 1983, cả gia đình chúng tôi cùng sử dụng chung từ khi khai hoang đến năm 1999 thì được Ủy ban nhân dân huyện C cấp bìa đỏ. Sau khi bố tôi chết mẹ tôi có làm thủ tục đứng tên để vay ngân hàng, năm 2021 ông P chiếm thửa đất sử dụng nên mẹ tôi đã khởi kiện và Tòa án đã hủy hợp đồng với ông P, việc sang tên chỉ là hình thức để vay Ngân hàng chứ không có việc tặng cho, trên thực tế

cả gia đình tôi từ trước đến nay vẫn sử dụng chung chưa chia cho ai cả. Nay bà H B khởi kiện thì tôi đồng ý.

5. Bà H L2 Ktla trình bày:

Thửa đất 84, tờ bản đồ 18 có diện tích 14.540m² có nguồn gốc của gia đình bố mẹ, bác bà H L2 khai hoang, năm 1999 thì được Ủy ban nhân dân huyện C cấp bìa. Năm 2006 bố bà H L2 chết thì cả gia đình vẫn quản lý sử dụng thửa đất trên. Năm 2021, bà H L2 thấy ông P vào chiếm đất sử dụng nên mẹ bà H L đã khởi kiện ra Tòa, sau này bà H L2 mới biết là sau khi bố chết thì mẹ và em bà H L2 đã tự ý làm thủ tục sang tên. Nay bà H B khởi kiện thì bà đồng ý.

Ngày 12/8/2024 bà H L2 có đơn yêu cầu độc lập đề nghị:

- Tuyên một phần văn bản thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế ngày 09/7/2010 do Ủy ban nhân dân xã E chứng thực số 185, đối với thửa đất 84, tờ bản đồ 18 diện tích 14.540m^2 tại xã E, xã C theo Giấy CNQSDĐ số M672149 là vô hiệu.

- Tuyên một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19/12/2014 từ bà H N và bà H N1 do Ủy ban nhân dân xã E chứng thực số 396, thửa đất 84, tờ bản đồ số 18, diện tích 14.540m^2 vô hiệu.

- Tuyên văn bản thỏa thuận đứng tên là tài sản chung trong Giấy CNQSDĐ ngày 10/5/2018 do Ủy ban nhân dân xã E chứng thực số 45, thửa đất số 84, tờ bản đồ 18, diện tích 14.540m^2 vô hiệu.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y L Ênuôl trình bày:

Tôi và bà H N1 Ktla kết hôn năm 2013, đến năm 2018 thì ly hôn. Khi bà H N vay ngân hàng bị nợ xấu nên có để tôi và bà H N1 đứng tên thửa đất số 84, tờ bản đồ số 18 với mục đích vay ngân hàng chứ không phải tặng cho thửa đất này. Khi tôi và bà H N1 ly hôn thì tôi sang tên lại cho gia đình, thửa đất nêu trên không phải của tôi, tôi không liên quan gì đến thửa đất trên. Nay nguyên đơn khởi kiện thì tôi không có ý kiến gì và và từ chối tham gia tố tụng.

7. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân P, bà Vũ Thị Thanh H1 trình bày:

Vào tháng 4/2020 tôi có mua của bà H N1 thửa đất 84, tờ bản đồ số 18 với số tiền 400.000.000 đồng và đã làm thủ tục chuyển nhượng. Bà H N1 đã bàn giao đất cho tôi sử dụng đến nay. Ngày 24/4/2023 theo Bản án số 19/2023/DSST của Tòa án nhân dân huyện C đã giải quyết tuyên xử hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 20/5/2020 giữa tôi và bà H N1 Ktla vô hiệu, hậu quả của hợp đồng vô hiệu, tôi có trách nhiệm giao lại cho bà H N1 Ktla thửa đất số 84, tờ bản đồ số 18, diện tích 16.712,2m² và toàn bộ tài sản trên đất. Buộc bà H N1 Ktla có trách nhiệm thanh toán cho tôi số tiền 927.000.000 đồng. Sau khi có Bản án tôi đã giao Giấy CNQSDĐ cho Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì tôi không đồng ý, bì bà H N1 chưa trả lại tiền theo Bản án số 19/2023/DS-ST, ngày 24/4/2023 cho tôi.

8. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần C trình bày:

Gia đình ông Y D Êban, bà H N Ktla có ký hợp đồng kinh tế đầu tư trồng cao su với nông trường với diện tích 7.200m² tại xã E, huyện C vào năm 1997.

Hiện nay giữa công ty và hộ ông Y D Êban đã thanh lý hợp đồng liên kết trồng cây cao su với nhau, các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình trong hợp đồng liên kết với nhau, do đó công ty không liên quan đến tranh chấp nữa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DSST, ngày 17/01/2025 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H B Ktla. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H L Ktla.

- Tuyên một phần văn bản thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế ngày 09/7/2010 do Ủy ban nhân dân xã E chứng thực số 185, đối với thửa đất 84, tờ bản đồ 18 diện tích 14.540m² tại xã E, xã C theo Giấy CNQSDĐ số M672149 là vô hiệu.

- Tuyên một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19/12/2014 từ bà H N và bà H N1 do Ủy ban nhân dân xã E chứng thực số 396, thửa đất 84, tờ bản đồ số 18, diện tích 14.540m² vô hiệu.

- Tuyên văn bản thỏa thuận đứng tên là tài sản chung trong Giấy CNQSDĐngày 10/5/2018 do Ủy ban nhân dân xã E chứng thực số 45, thửa đất số 84, tờ bản đồ 18, diện tích 14.540m² vô hiệu.

Kiến nghị UBND huyện C và cơ quan chuyên môn thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy CNQSDĐ số BC 984292 do UBND huyện C cấp ngày 21/9/2010 cho bà H N Ktla và Giấy CNQSDĐ số BV 691614 do UBND cấp ngày 31/12/2014 cho bà H N1 Ktla và ông Y L Ênuôl và cấp lại Giấy CNQSDĐ theo quy định.

Ngoài ra, Bản án còn nêu căn cứ pháp luật, tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/02/2025, ông Bùi Xuân P có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm với lý do thửa đất số 84, tờ bản đồ số 18 đang bị kê biên để đảm bảo thi hành án đối với bản án số 19/2023/DSST, ngày 24/3/2023 của TAND huyện C.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự có mặt tại phiên tòa giữ nguyên yêu cầu, quan điểm như đã trình bày và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Qua phân tích đánh giá, vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng

kháng cáo của ông Bùi Xuân P là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân P, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DSST, ngày 17/01/2025 của Toà án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân P đã được nộp trong thời hạn luật định và nộp tạm ứng án phí nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Xuân P:

[2.1] Thửa đất 84, tờ bản đồ 18, diện tích đất 14.540m^2 tại xã E có nguồn gốc do bà H B, bà H N khai hoang từ năm 1983. Đến năm 1999 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ ông Y D Êban.

Năm 2006, ông Y D Êban chết, ngày 09/7/2010 bà N Ktla và 03 con chung là bà H Đ Ktla, H J Ktla, H N1 Ktla lập văn bản thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế, trong đó có nội dung thống nhất để lại toàn bộ thửa đất số 84, tờ bản đồ số 18, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy CNQSDĐ số M67149 cho bà H N Ktla.

Ngày 21/9/2010 bà H N Ktla được UBND huyện C cấp Giấy CNQSDĐ số BC 984292 đối với thửa đất số 84, tờ bản đồ số 18. Ngày 19/12/2014, bà Nhung Ktla lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên cho bà H N1 Kta và ông Y L Enuôl. Ngày 31/12/2014 UBND huyện C cấp Giấy CNQSDĐ số BV 691614 mang tên bà H N1 Ktla và Y L Ê nuôl.

Ngày 10/5/2018 bà H N1 Ktla và ông Y L lập văn bản thỏa thuận để bà H N1 đứng tên tài sản chung. Ngày 22/5/2018, bà H N1 Ktla được cấp Giấy CNQSDĐ số BV 691614 .

Ngày 20/5/2020 bà H N1 Ktla lập hợp đồng chuyển nhượng ông Bùi Xuân P, bà Vũ Thị Thanh H1 thửa đất số 84 với giá 400.000.000 đồng.

[2.2] Nhận thấy, tại Bản án số 19/2023/DSST, ngày 24/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện C (Bản án đã có hiệu lực pháp luật) đã tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/5/2020 giữa ông Bùi Xuân P, bà Vũ Thị Hải và bà H N1 Ktla vô hiệu, buộc ông P, bà Hải có trách nhiệm trả cho bà H N1 thửa đất 84, tờ bản đồ 18, diện tích 16.712,2m^2 và toàn bộ tài sản trên đất. Bà H N1 có trách nhiệm thanh toán cho ông P bà Hải số tiền 927.000.000 đồng. Do bà H N1 chưa trả tiền cho ông P nên ông Bùi Xuân P không đồng ý với nội dung khởi kiện và có đơn kháng cáo.

Tại Công văn số 644/CAH-QLHC, ngày 26/12/2023 về việc xác nhận thông tin cư trú của Công an huyện C thể hiện thời điểm cấp Giấy CNQSDĐ thì bà H B Ktla là

thành viên hộ gia đình do ông Y D Êban làm chủ hộ. Đồng thời bà H L2 Ktla, sinh năm 1984 là con của ông Y D Êban và bà H N Ktla.

Tại thời điểm ông Y D chết bà H L2 Ktla đã thành niên nên có quyền đối với di sản là quyền sử dụng đất của ông Y D. Tuy nhiên, các văn bản thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế ngày 09/7/2010 và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19/12/2014 và Văn bản thỏa thuận đứng tên là tài sản chung trong Giấy CNQSDĐ, ngày 10/5/2018 đối với thửa đất số 84, tờ bản đồ 18, diện tích 14.540m^2 không có sự tham gia, không có ý kiến của của bà H B Ktla, bà H L2 Ktla là vi phạm quy định các Điều 223, Điều 674, 676, 681 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên;

Nhận thấy Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc tuyên vô hiệu một phần các văn bản nêu trên đối với thửa đất số 84, tờ bản đồ 18 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Do đó, xét kháng cáo của ông Bùi Xuân P là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Bùi Xuân P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Xuân P.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số sơ thẩm số 08/2025/DS-ST, ngày 17/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ Điều 122, Điều 127, Điều 128, Điều 214, Điều 216, Điều 217, Điều 218, Điều 634, Điều 635, Điều 674, Điều 676, Điều 681 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị Quyết số 326/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H B Ktla. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H L Ktla;

- Tuyên một phần văn bản thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế ngày 09/7/2010 giữa bà H N Ktla, H Đ Ktla, H J Ktla, H N1 Ktla do Ủy ban nhân dân xã E chứng thực số 185, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 09/8/2010, đối với thửa đất 84, tờ bản đồ 18, diện tích 14.540m^2 tại xã E, xã C tỉnh Đắk Lắk vô hiệu;

- Tuyên một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19/12/2014 giữa

bà H N Ktla và bà H N1 Ktla, ông Y L Ênuôl do Ủy ban nhân dân xã E chứng thực số 396, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 19/12/2014 đối với thửa đất 84, tờ bản đồ số 18, diện tích 14.540m^2 tại xã E, xã C tỉnh Đắk Lắk vô hiệu.

- Tuyên văn bản thỏa thuận đứng tên là tài sản chung trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/5/2018 giữa bà H N1 Ktla, ông Y L Ênuôl do Ủy ban nhân dân xã E chứng thực số 45, quyển số 01/2018- SCC/HĐGD, ngày 10/5/2018, thửa đất số 84, tờ bản đồ 18, diện tích 14.540m^2 tại xã E, xã C tỉnh Đắk Lắk vô hiệu.vô hiệu.

Kiến nghị Uỷ ban nhân dân huyện C và cơ quan chuyên môn thu hồi, hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC984292 do UBND huyện C cấp ngày 21/9/2010 cho bà H N Ktla và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 691614 do UBND cấp ngày 31/12/2014 cho bà H N1 Ktla và ông Y L Ênuôl và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của luật đất đai.

[2.2] Về chi phí tố tụng: Bà H B Ktla tự nguyện chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định, bà H B đã nộp đủ và được chi phí hết.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà H N1 Ktla phải chịu 900.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà H N Ktla được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà H L Ktla số tiền 900.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2023/0007857, ngày 12/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[2.4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Xuân P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Bùi Xuân P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0008222, ngày 04/2/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng Cổng TTĐT TANDTC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuấn